

Kể chuyện chiến trường



Đến ga Tam Lu thì hành khách nhận được thông báo tàu phải dừng lại chờ sửa chữa một đoạn đường phía trước do con lũ quét bất ngờ hồi ba giờ sáng đã bóc mất. Tam Lu là cái ga xép giữa rừng với bóng núi xanh mờ pha đầy không gian và sự vắng lặng cùng tiếng chim bìm bịp chỉ chờ các chuyến tàu vút qua là tức khắc ập về, kéo mọi thứ trở lại thời hoang sơ.

Đoạn đường bị hỏng đang được chữa chạy tích cực, tuy thế theo nhà tàu thì khả năng đi được ngay là khó. Vậy nghĩa là phải chờ mất một buổi hoặc lâu hơn. Hành khách lục đục đổ xuống sân ga, mấy dãy quán hàng lơ thơ phút chốc trở nên quá tải, những tàng cây lúp xúp đây đó cũng nhanh chóng bị chiếm lĩnh. Một số hành khách tìm đến mấy nơi xa hơn ngồi uống nước hoặc ngả lưng trên thảm cỏ.

Lần đầu tôi tới đây, không thể ngồi một chỗ mà trừ khu nội ga buồn tẻ ra thì ngoài bờ suối kia, rặng núi cao ngất trước mặt kia cũng đáng được để mắt đến lắm. Tôi đi quanh ngót một giờ đồng hồ với đôi ống quần bám đầy bông cỏ may rồi quay lại tìm mấy đứa bạn. Là sinh viên mới ra trường đi nhận công tác, chúng tôi mang theo chuyến đi nhiều đam mê, háo hức, cái gì cũng muốn tìm hiểu và cái gì cũng dễ đặt ra câu hỏi.

Dưới mái hiên một ngôi nhà nhỏ, mấy thằng bạn tôi đang ngồi vây lấy một

ông già. Tôi nhận ra ngay ông cụ đi cùng toa với chúng tôi, khoảng sáu bảy tuổi, vóc người nhỏ nhắn và đặc biệt hay chuyện. Cụ lên tàu cách đây một ga, mới đi với chúng tôi một độ đường thế mà cụ đã hỏi khắp lượt mấy đứa, thậm chí còn nói tính nết ai ra sao, ai tương lai có cơ làm to... Cụ vô tư kể về gia cảnh mình, rồi làng cụ có bao nhiêu thương binh, bao nhiêu liệt sĩ, lại cả chuyện vừa qua có mấy tay phá rừng vừa bị tóm... Còn chuyến đi này của cụ rất quan trọng, là đi làm chứng cho phiên xử một vụ tranh chấp tài sản đầy ngang trái, kẻ có quyền cậy thế làm càn, coi thường phép nước và đạo lý; chuyến này cụ phải ra tay...

Ông cụ đang kể một câu chuyện cho đám bạn tôi nghe. Tôi đặt dép ngồi xuống một bên. À, chuyện đánh giặc thời chống Mỹ cứu nước. Do đâu mà có tiết mục “kể chuyện đêm khuya” vào giờ chính Ngọ này thì không rõ. Có thể vì một lý do rất tình cờ: một cánh chim lạc gió bay ngang qua khiến người lính già nhớ lại một kỷ niệm nào đó, cũng có thể từ những bàn luận về chuyến tàu tắc nghẽn dẫn sang một tình huống bất trắc, trái khoáy thường xảy ra trong chiến tranh...

- Đến lúc trời sáng toét ra mới biết phía trước cửa mở, cạnh một ụ đất là một ổ súng máy được chúng bố trí rất khéo - cụ già tiếp tục câu chuyện - Ụ súng bị che khuất bởi túm cây mua, nòng chỉ nhô lên miệng hầm, lúc tối trời chỉ thấy nó khạc lửa nhưng chịu không biết nó nằm nơi nào. Con “chó lửa” giấu mặt này đã kìm bước tiến của quân ta, cả một đại đội tăng cường lọt vào cửa đồn rồi đành phải nằm rạp chờ đợi.

Trước tình hình ấy, bố quyết định không quay trở lại xin chỉ thị của đại đội trưởng nữa, mà lui về giật khẩu B40 trong tay một cậu đang ép mình dưới giao thông hào, rồi bò lên, đưa cái tổ súng máy chết tiệt kia vào vòng ngắm, bình tĩnh bóp cò. Một tiếng nổ đinhtai kèm theo quầng lửa sáng rực, thế là đi đòi quân chó má! Quân ta ào ào tiến lên. Bố bị ù tai bởi tiếng đạn chống

tăng, không còn nghe gì nữa, cứ trương mắt nhìn theo ánh chớp và theo mọi người mà lao tới!...

Sau trận ấy, rút kinh nghiệm mới thấy là tổ trình sát trong khi nắm địa hình đã bỏ sót một hỏa điểm ngay hướng tiến chính diện của quân ta khiến gây thương vong ngoài dự kiến và trận đánh phải kéo dài. Trong tác chiến đây là điều tối kỵ, binh thư xưa kia cũng nói nhiều về chuyện này... Trận ấy bố được tiểu đoàn, rồi trung đoàn khen, lại còn được đi dự một hội nghị cấp quân đoàn báo cáo kinh nghiệm chủ động xử lý tình huống, tạo thời cơ cho đơn vị đánh thắng giòn giã...

Phải nói ông cụ có khiếu kể chuyện. Cụ kể rành mạch, lớp lang đầu đó, giọng lúc lên bổng lúc xuống trầm cộng với điệu bộ của đôi tay khiến câu chuyện không mấy lạ lẫm gì nữa vẫn lôi cuốn người nghe. Chúng tôi gọi một chút rượu từ mái quán. Rượu trắng trong veo, chỉ cần khế lắc là bọt trào lên. Cụ già nhấp một ngụm nhỏ rượu, dừng lại, đôi môi đọng đầy. Đó là cung cách của các ông già sành rượu ở các làng quê. Biết đích thị là rượu ngon, cụ mới ngửa cổ nốc cạn trong rừng rực chất men lan tỏa. Chúng tôi đề nghị cụ kể tiếp bởi thời gian xem ra còn dài.

- Bố kể những gì rồi các chú? - Cụ già đặt chén xuống đất, khà một cái rõ to.

- Bố kể ba trận đánh. Trận Mậu Thân tại Huế, rồi trận nào đó ở Tây nguyên mà ta phải nhịn ăn, chia khẩu phần ít ỏi cho tù binh, rồi trận bố bắn B40 tiêu diệt một ô sủng máy của địch ở làng Vây.

- Ồ, có một chuyện nhỏ là trong trận đánh vào Huế năm Mậu Thân, lính ta chẳng hiểu vì sao lại lọt vào một tiệm kim hoàn vô chủ. Có mấy cậu tham, giắt vàng vô lung như nhặt khoai. Bố liền trừng mắt: “Được vàng là chết! Ông cha dạy rồi, nghe chưa, đừng ngu! Chiến tranh đang dài, phải giữ mạng sống mà đánh giặc, chết sao vội. Bỏ xuống hết đi!”. Thế là mấy chú lính non choẹt sợ mất vía, liền kính cẩn đặt dây chuyền, nhẫn ngọc lại chỗ cũ... Thời

ấy mà tham thì nay bố cũng giàu to. Khó khơ khơ!... Máy giờ rồi, tàu sắp chạy chưa?

- Dạ chưa đâu. Nhà tàu bảo cứ đợi.

- Ồ, thì đợi... Trước chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, ta đánh vào một thị trấn, bố không nhớ tên nữa, chỉ nhớ thuộc tỉnh Savanakhet. Tổ trình sát của bố được đưa về bản Xà Đon gần kề đó điều tra địa hình ngót hai tháng ròng trước khi ta khai hỏa. Trên bố trí bố ở nhà một ông già Lào, là cơ sở tin cậy của ta ngay trong lòng địch. Nhà có cô con gái tên Bun Then. Ngày ngày bố cùng Bun Then cưỡi voi vào thị trấn, tiếng là đi thờ hàng vì trong nhà làm nghề buôn bán lật vặt, thực chất đi quan sát địa hình. Nhờ Bun Then mà bố tự do đi lại nhiều nơi trong vai một anh thanh niên Lào, anh họ Bun Then. Nhờ sắc đẹp và tài ăn nói của mình mà Bun Then nắm được nhiều nơi quan trọng trong thị trấn rồi đêm về vẽ lại bản đồ cho ta.

Hai tháng sống cùng gia đình Bun Then, bố có rất nhiều kỷ niệm, nhưng nhớ nhất là một lần vấp phải quân phái hữu lưng rạp. Lúc đó giữa trưa, bố đang ngủ ngon giấc trước thềm nhà thì nghe bước chân chạy rầm rập quanh hồi. Vừa choàng mắt đã thấy mấy thằng Lào ngụy léo nhéo chửi tục rồi leo lên cầu thang. Bố lao ngay vào buồng Bun Then, quên mất tập bản đồ lâu nay thu thập được lúc ngủ đem gói đầu ở ngoài thềm. Thử hình dung xem, nếu tập bản đồ lọt vào tay địch thì cơ sự sẽ ra sao? Nhất định chiến dịch bị lộ và phải dừng lại, cả nhà Bun Then và bố sẽ bị giết, thậm chí cả bản bị san phẳng!

Đến giờ bố vẫn ngạc nhiên về tài trí của người con gái Lào xinh đẹp ấy. Té ra Bun Then đã tinh ý thấy bố dễ quên tập bản đồ phơi ra trước mắt quân giặc. Không kịp làm gì hơn, Bun Then liền ngồi ngay xuống sàn thềm gỗ lát, xòe tấm váy hoa sắc sỡ trùm lấy tập bản đồ trên 30 trang chi chít hình vẽ! Bun Then cười nói lả lơi, lại cả gan kéo chúng ngồi xuống bên cạnh. Mấy

tên lính biết Bun Then từ lâu, chúng thường qua lại tán tỉnh, nhưng chưa bao giờ được người đẹp ve vuốt, cười cợt, lại còn vít cổ tặng cho mấy cái hôn. Mấy thằng lính được đà sàm sỡ, nấn bóp Bun Then. Cũng may hôm đó ông già ở nhà. Thấy chướng quá, ông già đành hắng mấy cái rồi rút con dao giắt bên vách cái rột, thế là lũ trâu bò hiểu, đành đứng dậy ra đi. Bun Then giả bộ luyến tiếc hẹn gặp lại khiến chúng mừng rơn, có biết đâu cô nàng đã lừa được bọn chúng để bảo vệ bí mật trận đánh của quân ta, giải phóng quê hương làng, bản.

- Sau rồi thế nào ạ? Bun Then và bố yêu nhau chứ?

Cụ già chun mũi, nhấp thêm chén rượu, rồi chỉ tay lên dãy Trường Sơn:

- Các chú có tin là thỉnh thoảng bố nhìn lên dãy Trường Sơn để nhớ về những ngày tháng không thể nào quên không? Bố đã đi dọc đất nước triệu voi, tham gia nhiều trận đánh; nhưng nhớ nhất là đôi mắt nàng Bun Then, tưởng như trong mắt có lửa. Nhưng bố quyết không làm khổ Bun Then. Sau chiến dịch, bố chia tay Bun Then. Bố biết không có điều kiện để yêu thương nhau, không thể lợi dụng tình cảm Bun Then, mặc dù cô gái Lào chờ anh lính Việt tỏ tình, chờ một lần nắm tay buộc chỉ trong ngày tết năm mới Bun Pi May! Mấy lần Bun Then nói rằng Bun Then rất muốn qua Việt Nam để xem biển rộng ra sao. Lúc đó bố mới kể là biển đẹp như nọ, bao la như kia, thật ra là bịa bậy cả chứ bấy giờ bố cũng chỉ biết biển qua bản đồ thôi.

* * *

Sau bão, trời trong nắng vàng và lặng gió, núi rừng nghi ngút bốc hơi từ cơn mưa vừa tạnh. Sân ga dậy mùi ẩm mốc từ những đám lá mục lâu ngày, những mái nhà rêu phủ và quán lá kết bèo rác bẩn. Hành khách sốt ruột đi đứng nhộn nhạo, có người trèo lên hỏi tận đầu tàu bao giờ mới thông đường. Sau mấy lần trả lời theo kiểu “có khả năng”, “theo trên cho biết”, “căn cứ tình hình”... rồi cũng đến lúc có thông báo chính thức đường đã thông, mọi

người lên tàu đi tiếp.

Chúng tôi lên tàu xem lại hành lý. Câu chuyện chuyển qua đề tài những lần kẹt tàu, con đường ngang tự mở của dân cắt đường ray và những tai họa thảm khốc. Cụ già ngồi im lặng vờ thuốc hút bên cửa sổ chắn lưới. Chúng tôi mời cụ điếu đót nhưng cụ lắc đầu, nói rằng chỉ quen hút loại thuốc nhà trồng. Cụ lôi trong bọc ra cho chúng tôi xem những ngọn thuốc đuôi lươn bẻ ngang chỉ bằng bản thắt lưng. Chúng tôi im lặng ngồi bên cụ già không quen biết nhưng giờ đây đã trở nên khá gần gũi. Sau khoảng thời gian dài chờ đợi, con tàu dường như cũng hồi hả lao đi. Ga Tam Lu mờ dần sau lớp kính vân đục.

- Qua khỏi trăng sim này, đi một lúc nữa là tới ga Tân Lý, bố sẽ xuống đó. Chúng ta sẽ chia tay và chắc khó có dịp gặp lại các chú. Thành ra có câu chuyện này nếu bố không kể cho các chú nghe thì không được.

Chúng tôi tin rằng còn một câu chuyện ly kỳ nào đó nữa trong chiến tranh mà ông già đã trải qua đang gọi lên trong lòng, khiến ông không thể không bộc bạch như một nỗi niềm đau đáu phải giải bày.

- Các chú tin những chuyện vừa kể là chuyện của bố chứ gì? Không phải. Bố chưa đi bộ đội bao giờ, suốt đời chỉ là một nông dân quen sống ở làng.

Những chuyện ấy là chuyện của người làng, cụ thể là những người lính từ chiến trường trở về. Họ cùng lứa với bố, cũng có cả bọn đàn em. Hiện người đã chết, người sống thì một số đui què, nghễnh ngãng. Toàn bọn đánh giặc giỏi nhưng nói năng vụng về. Có cậu ít mồm ít miệng, vụng điều thừa tiếng nói mà chịu thiệt thòi, giấy tờ thất lạc cả, không biết kêu ai. Có đứa bị địch bắt giam ở Côn Đảo, về làng bị nghi oan là theo Mỹ mà không cách chi thanh minh được, thậm chí đàn bà con gái tử tế không ai thèm lấy. Có anh là dũng sĩ diệt Mỹ nhưng vợ quát một câu là đá ra quân... Các chú mà nghe họ kể về chính cuộc đời họ... nhưng như tơ rối, phải sắp xếp lại mới thành

chuyện được. Mà cái làng của bố mấy cha cán bộ cũng không thua đám bộ đội nói trên, thành tích thì nhiều nhưng đến nay vẫn chưa được cấp trên công nhận cái anh hùng lực lượng vũ trang, chỉ vì không biết viết báo cáo!

- Nhưng cháu hỏi thật, bố có bịa thêm không đấy?

- Đòi nào! - Cụ già cười - Giá kể mà ăn tiền thì ta sẽ bịa chơi. Đây chỉ kể chuyện thật người làng ta thôi.

- Chà, thế mà cháu cứ tưởng... Mà bố kể chuyện hay thật, phải công nhận. Nếu được học hành nghiêm chỉnh, ý cháu nói là bố được đào tạo cẩn thận, có khi lại chẳng thành nhà văn.

- Bố là nhà thơ - cụ già cười rung bộ râu cằm lưa thưa - Dân làng gọi bố là nhà thơ, mà thơ bố cũng không xoàng.

Tôi chợt ngẫm lại ở mỗi làng quê ta thường có một ông già hóm hỉnh, vui tính, hay làm thơ đặt về, đặt lời nói lái, đặt câu đố hoặc hay đố chữ. Đó là những con người tài hoa, tinh tế trong cảm thụ, dí dỏm trong đối đáp và sống hồn nhiên... Cụ già này chính là người như vậy.

Thấy chúng tôi ra chiều có ý muốn biết thêm về cụ, cụ bèn cười nheo đuôi mắt rồi nói:

- Làng bố có bốn xóm Đông, Tây, Nam, Bắc, mỗi xóm có một nét riêng, và bố có thơ như sau:

Xóm Đông là xóm anh hùng

Đi mô quát nấy lung tung làng tàng

Xóm Tây ở bản nhất làng

Xóm Nam sắm chổi quét đàng làng đi

Xóm Bắc có thói ngủ khi

Trưa ngày mụ vẫn ôm ghì lấy ông.

Chúng tôi lăn ra cười, tàu vào ga lúc nào không biết.

HOÀNG THÁI SƠN

Hoàng Thái Sơn

Mùi tiền

Truyện ngắn này đoạt giải nhì Cuộc thi truyện ngắn 2004-2005 do tạp chí Cửa Việt (Quảng Trị) tổ chức. Nhà văn Hoàng Thái Sơn nguyên là tổng biên tập tạp chí Nhật Lệ (Hội VHNT Quảng Bình); đã có truyện ngắn đăng trên TTCT.

Tôi dự giờ nhiều người dạy bài thơ Thăm lúa của nhà thơ Trần Hữu Thung nhưng chưa thấy ai như anh: ngoài những nét chung sách vở đã nói, anh còn cho thấy bài thơ là bức tranh đẹp với cận cảnh đặc tả một bông lúa chín vàng động sương long lanh nổi lên giữa viễn cảnh đồng quê ban mai; từ đó anh quay sang nói đôi nét về phép vẽ tranh và thế nào là “thi trung hữu họa” khiến mọi người phục lẫn...

Có hôm anh mở đầu bài giảng bằng câu lạ hoắc: “Bài thơ này không hay mong các em cố gắng tiếp thu”, ấy thế rồi anh cũng mang lại cho học sinh một cái gì đó đúng là mới mẻ khiến chúng không đến nỗi chán bài thơ ấy lắm...

Anh làm thơ, vẽ tranh nhưng thơ không gửi đăng báo, tranh cũng chỉ để treo hoặc đem tặng. Tôi cam đoan thơ tình của anh hay hơn nhiều thứ thơ phú vẫn đọc thấy đây đó. Nhiều nữ sinh nay đã thành bà nội bà ngoại vẫn còn lưu thơ anh trong sổ tay, mỗi lần giở ra lại nhớ ông thầy tài hoa, một nghệ sĩ

đứng ngoài sân chơi nghệ thuật.

Một hôm, sau khi phải chứng kiến cảnh mấy cô giáo to tiếng với nhau quanh chuyện tiền nong, anh hỏi chúng tôi:

- Trên đời cái gì bản nhất? - anh bảo tôi đưa ví cho anh. Lôi trong chiếc ví lép kẹp của tôi ra mấy đồng tiền nhàu nát, ném lên bàn, anh hỏi tiếp - Các cậu nghĩ thấy mùi gì không nào?

Năm tiền giãn ra từ những đường gấp xiên xẹo lâu ngày và một thứ mùi khắm đặc bốc lên, xộc vào mũi. Thì ra không gì thối bằng tiền!

- Trông này - anh đưa một tờ bạc lên soi qua ánh sáng - tờ bạc màu gì? Màu chiếc cổ áo lâu ngày không giặt, màu cổng rãnh, màu lông chuột... Đồng tiền này được ra đời từ một nhà máy, có thể từng được trang trọng đặt lên nơi tôn nghiêm nhưng lại suốt đời bị nhấn chìm trong thế giới người, từng bị nghẹt thở những nơi chôn không ánh sáng, lộn mưa, nó in dấu bao bàn tay, sạch sẽ và bản thủ, vô tư và tội lỗi, nó mang trong mình hàng lô vi trùng bệnh tật...

Lần nọ, anh lại đồ chúng tôi:

- Vì sao sinh ra cái ví da có dây kéo? Là để cất tiền và để bịt chặt lấy mùi tiền khú khắm, không cho nó bốc ra ngoài. Này, các cậu ngồi với con gái mà để nó ngửi phải mùi tiền, lại tưởng anh này thôi tai thì vút!

Tôi giặt mình, từ đó sinh ra hãi tiền, rồi học anh, chỉ giữ lại những đồng tiền mới, thứ đã nhũn ra, đã bốc mùi là tìm cách cho thoát khỏi người không tính toán.

Gần bốn chục tuổi anh mới lấy vợ. Trước đó anh có yêu mấy đám, không nữ sinh cũng cô giáo hoặc cán bộ nhân viên nhà nước. Thế nhưng vợ anh lại là một cô hàng vải, học hành chấp vá, sắc diện cũng thường, chẳng hiểu sao anh mê; hay cái “nửa” đầy chất thơ ở anh đã tìm thấy “nửa” còn lại nơi chợ búa ấy? Nhưng họ rất thương nhau. Và anh vẫn như xưa: ăn mang lịch sự, chải chuốt, vẫn làm thơ và vẽ tranh, vẫn chơi tiền sạch. Vợ anh rất tâm lý,

biết tôn trọng những sở thích riêng của chồng; không rõ anh có thấy khó chịu với túi tiền của vợ mà anh vẫn gọi đùa là “túi càn khôn khó ngủ” không?

*

* *

Thế rồi đời anh bỗng ngoặt sang một lối rẽ đầy chông gai. Dạo đó đâu khoảng cuối những năm 1980; nghe tin nhà thơ V. từ Hà Nội vào, hiện mấy nơi đang mời đọc thơ, anh liền tìm cách liên hệ mời ông về chỗ mình chơi. Nhờ chúng tôi dạy thay, anh đưa V. đi đọc thơ ở một số cơ quan, đơn vị liên mấy ngày.

Nhà thơ V. vốn có chất giọng “quảng trường”; cứ đọc thơ một lúc, lại dốc cạn một ly rượu tăm, rồi sang sang đọc tiếp như thể nhập đồng. Hội trường lúc càng đông, người ta bầu cả lên cửa sổ để nghe thơ; còn trẻ con thì lân la từ xa đến gần cuối cùng ngồi vây lấy chân bọc gỗ, có đứa còn cả gan vuốt râu nhà thơ bởi ông nuôi một bộ râu lồm đồm bạc và dài như râu Quan Công. Đó là một nhà thơ cao niên, khá nổi tiếng nhờ tài năng và những lận đận do “tai nạn nghề nghiệp”.

Ông từng bị ghép vào nhóm Nhân Văn, phải đi cải tạo lao động ở các công, nông trường, phải in thơ bằng nhiều bút danh khác nhau để sống... Đến thời đổi mới, ông được chiêu tuyết, được trả lại mọi giá trị nhưng nhiều người vẫn nheo mắt cảnh giác nhìn ông. Thế nên việc ông đi đây đó nói chuyện, đọc thơ đã thành ra “vấn đề”; và những ai gần gũi, chơi bời hoặc đưa đón, giới thiệu ông trước đám đông đều bị “có ý kiến”!

Sau khi nhà thơ V. rời khỏi địa phương, anh bị cấp trên gọi lên làm bản tự kiểm. Hai ngày ngồi trước trang giấy trắng, đốt hết bốn gói thuốc, anh chẳng biết viết gì. Một đời ta chẳng lừa ai, làm sao giờ đây lại phải tự dối mình?

Anh gãi đầu gãi mũi ngồi nhìn khói thuốc bay vẩn vèo. Thế là khuyết điểm càng nặng bởi chẳng những đã làm chuyện sai trái, lại không chịu thành khẩn nhận lỗi.

Để tỏ sự nghiêm minh, người ta giáng cho anh một cái quyết định tóa lửa: hạ một bậc lương, đình chỉ giảng dạy, chuyển việc khác! Trường chuyển anh xuống bộ phận thư viện; theo phân công của bà thủ thư, từ đó ngày ngày anh chui vào kho sách cũ sắp xếp lại “nền văn hóa nhân loại” bị bỏ quên, đầy bụi. Nhiều khi anh ngồi hàng giờ trong xó, một mình đọc lại vài trang sách cũ, lòng chạnh thương bao số phận bị dập vùi...

Được nửa năm, nhân có chủ trương tinh giản biên chế thế là anh xin nghỉ theo chế độ “về một cục”. Ai cũng khuyên chịu khó đợi ngày trở lại bục giảng, nhưng anh không nghe. Con người quen khinh bạc mọi nhỏ nhen, thấp hèn ấy làm sao chịu theo lẽ thói? Anh gọi chúng tôi tới nhà, ôm ra cả chồng to giáo án, những sáng kiến kinh nghiệm, những tham luận tại các hội nghị chuyên môn từ bộ tới sở, bảo “các em mang về mà dùng kéo phỉ”. Từ đó, anh chia tay luôn với thú làm thơ, vẽ tranh, ngày ngày chở hàng ra chợ giúp vợ.

Nhiều hôm tôi thấy anh ngồi rất lâu ở một góc khuất trong quán cà phê đầu phố nhìn thiên hạ tấp tể ngược xuôi. Bảy giờ quê tôi rộn ràng không khí xây nhà máyximăng, nhà máy đường, phố huyện đông nghẹt người qua lại, xe cộ chạy mù trời, chợ huyện phải mở ra tận bờ sông. Nhiều người bung ra làm ăn táo bạo. Thế là vợ chồng anh cũng làm một cuộc đổi thay, chúng tôi trông mà hoảng.

Quầy vải của chị Nga chiếm cả một vùng trung tâm chợ huyện; ấy mà họ dùng dùng gọi người tới sang tên, thu nợ nần, dồn vốn liếng mở một cửa hàng thịt dê sát bờ sông, trước mặt là ngã tư, sau lưng là lối vào cổng chính của chợ. Anh là người nảy ra ý tưởng, nhưng phải nhận chị là con người vô

cùng chịu khó, giàu bản lĩnh. Chị đi khắp nơi học hỏi, tìm hiểu, giải quyết mọi thủ tục khá nhiều khô, eo sèo rồi thuê thầy thợ, mướn người làm. Hôm anh chị khai trương nhà hàng, chúng tôi có được mời nhưng không dám tới, chỉ gửi hoa chúc mừng.

Nghe đồn hàng đông khách. Vậy là ông giáo dạy văn nổi tiếng tài hoa thành gã đồ tể rồi chẳng? Bàn tay cầm tiền sạch xưa nay giờ nhuốm mùi cái cổ áo lâu ngày không giặt rồi chẳng?

Do hoàn cảnh, tôi theo gia đình vào Nam dạy học. Chẳng dính líu gì vụ nhà thơ V., nhưng từ hồi anh vấp ngã, tôi cũng đâm chán, và cuộc ra đi đã nhẹ nhàng để lại không ít vương bận với cố hương biết bao gắn bó.

*

* *

Tôi ít về quê, có về cũng không ở lại lâu, nên trên chục năm rồi chưa gặp anh. Dẫu vậy mọi tin tức nơi anh tôi vẫn biết. Anh đã xây được nhà lầu, con gái đầu lòng đang du học bằng tiền túi ở Úc... Con người ấy đã đổi thay hoàn toàn, tháng ngày chỉ thú làm ăn, ví tiền dày cộp nhét căng túi quần. Mừng cho anh, tuy trong thâm tâm tôi vẫn thấy có gì như mất mát. Thật tiếc, giá không có cái “vụ” không đâu kia... Mà thôi, đổi thay là lẽ thường, thậm chí anh còn có quyền sung sướng bởi đã ngoi lên từ trong bèo dạt mây trôi, trong họa đã tìm thấy phúc.

Lần về quê này tôi đến thăm anh. Tôi rủ mấy người bạn cũ đi cùng. Anh béo hẳn ra, tóc muối tiêu, một hàng ria đậm trên môi. Bàn tay anh xưa gầy guộc, trắng trẻo, nay tròn trịa. Uống cạn chén nước, anh đưa chúng tôi ra nhà hàng, gọi là để cho biết. Chúng tôi chen bước theo anh vào nhà hàng càng về chiều càng đông; lúc lúc anh lại phải dừng chân bắt tay, cười nói với khách quen; xưa giọng anh nhỏ nhẹ, giờ bẻ ra, lại khá thành thạo tiếng lóng của dân ăn

nhậu.

Bao quanh là một không gian nhuộm màu đời thường bụi bặm với mái lá, cột kèo ám khói, những bộ bàn ghế xỉn đen, mùi xào nấu bốc lên từ gian bếp lửa cháy rùng rục và bày em gái bung bê vào ra khó tránh khỏi những cú véo má, quệt mũi của đám thực khách mồm lảng mỡ. Anh dẫn chúng tôi vào biệt phòng dành cho người ưa yên tĩnh. Chỉ một loáng, trên bàn đã đầy ụ các món dê tái, nướng, lẩu, nhúng, bánh đa, rau mùi, ớt quả, tỏi nhánh, gừng, sả, nước chấm, mắm tôm, rượu tiết dê màu hồng ngọc...

Anh thông thả kể chuyện làm ăn. Sở dĩ hàng anh ăn đứt thiên hạ chỉ nhờ một món là món nước chấm. Hai năm đầu làm ăn xập xệ, tưởng phải dẹp tiệm. Thế rồi vợ chồng làm một chuyến ra Bắc, vô Nam học hỏi, đi sâu vào “chuyên ngành” nước chấm, từ đó chế ra sản phẩm riêng của mình, không ai biết bí mật tay nghề, không thể cạnh tranh nổi.

Theo anh, chị Nga là một tài năng làm ăn, một nhà ngoại giao và là người vợ đảm đang... Còn nhớ hồi anh mới tìm hiểu chị, trong trường nhiều người thấy lạ, bởi hai bên như sống dưới hai trời. Anh biết xung quanh nghĩ gì và thời gian đã trả lời giùm anh. Riêng tôi có lẽ do ở xa, giờ anh mới có dịp hé mở để tôi hiểu rõ ngọn ngành.

- Cậu chưa biết mình lập gia đình trong hoàn cảnh nào nhỉ? - anh hỏi tôi, rồi trả lời luôn theo thói quen - Đúng là đời bắt nguồn từ những hoàn cảnh không ngờ tới. Một hôm ra chợ, tình cờ nom thấy một cô nàng ngồi trong quầy vải với mái tóc dày trùm kín đôi vai, tràn xuống ngực khiến mình chợt nhớ tới một người đàn bà trong tranh của nhà danh họa Leonard de Vinci, nàng La Joconde, người đẹp mình hằng tôn thờ. Mọi chuyện bắt đầu từ đó. Từ gian bếp chị Nga xuất hiện sau câu nói của anh như trong một kịch bản. Đó là một phụ nữ khỏe mạnh, uyển chuyển, đầy nữ tính; đặc biệt mái tóc dày như mây, hăn khéo chiều chồng nên lúc nào cũng rẽ đôi từ một đường

ngôi thẳng tắp, thả rơi đầy vai tràn xuống khuôn ngực rám nắng, sung mãn. Chị tươi cười bước tới, kéo ghế ngồi vào, chọn gấp thức ăn lên bát cho mọi người, hỏi han tỉ mỉ chúng tôi. Chúng tôi khen món ăn ngon, khách ăn đông; thế là chị chuyển mọi chiến công sang cho anh. Quả thực, tôi chưa thấy đôi vợ chồng nào hồn nhiên đến vậy. Họ nói về nhau thật lòng, vô tư, không khoác lác, cũng chẳng cần khiêm tốn vờ vịt.

Không khí cuộc vui xui tôi hỏi chị một câu không phải không đúng lúc:

- Xa anh chị mười mấy năm rồi, chẳng bao lâu nữa chị cũng sẽ lên chức bà rồi, vậy cho em hỏi câu này: thuở ấy anh chỉ là một nhà giáo, giỏi giang đấy nhưng rất nghèo; vậy chị chấp nhận anh bởi mến tài anh chẳng?

Chị Nga lại cười, rồi trả lời, giọng tỉnh rụi:

- Tôi nghe thiên hạ đồn đó là một ông thầy kỳ mùi tiền là thứ mà tôi thấy rất thơm. Thế là tôi quyết định phải cải tạo cái mũi giúp ông ấy, bởi nếu để lâu nhất định ông thầy của các chú sẽ tịt mất lỗ thở!

Chúng tôi lăn ra cười trong khi chị dốc cạn chén rượu, giờ cao cái chén không lên trời lắc lắc rất sành điệu, rồi đứng dậy:

- Anh em cứ uống thoải mái. Tôi bận hai bốn trên hai bốn. Cho tôi xin phép. Câu đùa của chị đã vô tình khơi ra điều không ai muốn đụng tới lúc này.

Chúng tôi đâu dám nhần tâm nhắc chuyện xưa như chạm vào vết thương lòng của anh khi anh đã bỏ lại đằng sau tất cả, đã tự nguyện chung sống với đồng tiền và h lẫn mùi tiền cũng không còn làm anh khó chịu nữa! Chẳng biết anh có hiểu cho chúng tôi không, bởi việc gì phải ngạc nhiên trước mọi biến cố. Chính thời gian cũng đã giúp tôi bao bài học đích đáng nếu không muốn bị gạt sang bên lề đời. Sống giữa đất Sài Gòn, tại sao tôi không chịu hiểu tiền là gì?

Bốn thầy trò ngồi lặng giữa náo động ồn ào cùng mùi khói, mùi thịt, mùi người khi đã no nê đến ợ ra. Cục yết hầu khá to nơi cổ anh lượn xuống lượn

lên trong khi anh dùng ngón tay chấm vào ly nước vẽ lung tung lên mặt bàn. Tôi chợt nghĩ, tận trong thăm sâu, hình như anh vẫn lạc lõng với cái thế giới này! Lúc sau, anh ngẩng lên nhìn ra ngoài trời, giọng xa xăm:

- Ôi! Cái thời vô tư lự! Ta khinh bạc hết thầy, trừ cái đẹp. Ta sợ mùi tiền như sợ mùi xác chết. Nhưng mà... thật oan cho tờ bạc rách! Sạch hay bẩn đâu phải ở tiền, mà ở cách kiếm tiền và cách sử dụng tiền mà thôi! - anh mỉm cười, lắc đầu - Tivi vừa đưa tin vị quan tham nọ bị khám nhà, tử nhà ông có một khối tiền giấy polime mới tinh, nhưng xin lỗi, nó rất nặng mùi. Còn chẳng giấu gì mấy em, anh chị cũng có tiền nhưng không mua bất động sản, chỉ dành cho các cháu học hành...

Anh khoát tay một vòng quanh đám thực khách vào ra, nói tiếp:

- Anh chị phải lăn lộn ngày đêm để kiếm tiền, nhưng bảo đảm chỉ “chơi tiền sạch”, kiểu “sạch” như đã nói. Bà ấy bảo “mùi tiền thơm” là nói theo nghĩa lành mạnh hoàn toàn. Đó chính là cái giúp anh chị thương nhau lâu bền, con cái và hàng xóm mến phục. Nhưng ở đời cái gì lại không có giá; giữ được mình trong môi trường khói bụi thật chẳng khác gì đi xiếc trên dây... Nào, uống đi các em!

Chúng tôi ngồi tàn chiều nghe anh nhắc lại bao kỷ niệm, từ những ngày đánh Mỹ gian nan tới thời hòa bình vui tươi nhưng bữa ăn vẫn khoai sắn công com. Anh chưa quên thời trai huy hoàng chỉ tiếc là rơi vào cực đoan.

Nhưng... chớ đòi hỏi nhiều ở con người!

Trước lúc chia tay, tôi nói với anh là nhà thơ V. đã mất hồi đầu năm.

- Vậy à? - Anh nói với giọng tiếc thương rồi bất chợt gõ bát ngâm nga:

“Kiêu rằng những đấng tài... hoa... ư... hừ... thác là thể phách... ư... còn là tinh... ư... anh... ư... hừ... hừ... ư... ừ!...”.

Sưu tầm: Sao bang
Nguồn: Tuổi trẻ online
Được bạn: Chuột lắt đưa lên
vào ngày: 28 tháng 6 năm 2006